

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 18/2017/LĐ-PT

Ngày: 16-8-2017

V/v: “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA Á N NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các thẩm phán:

Ông Lâm Văn Be

Bà Phạm Thị Hồng Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nguyễn, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Lạc, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số: 04/2017/TLPT–LĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động*”.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 04/2017/LĐ-ST ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2017/QĐPT-DS ngày 13 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1982; trú tại: Số nhà 74/1D, đường số 3, tổ 6, khu phố 8, phường T, Quận Đ, Thành phố H; có mặt.

Người có quyền và lợi ích hợp pháp được bảo vệ:

Trương T Nh, sinh ngày 19/9/2008

Trương T K, sinh ngày 28/11/2013

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Q, Văn phòng Luật sư HN, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

2. Bị đơn:

Công ty TNHH ĐN

Địa chỉ: Lô 24, khu chế xuất và công nghiệp L, xã A, huyện Tr, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật: Bà X, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T, sinh năm 1974; trú tại: 2/21, Tăng Bạt Tổ, Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố H; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư S, thuộc Văn phòng Luật sư ĐV, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông B, sinh năm 1945;

Địa chỉ: Đội 17, thôn C, xã P, huyện D, tỉnh Q

Đại diện theo ủy quyền của ông B: Chị Trần Thị M, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số nhà 74/1D, đường số 3, tổ 6, khu phố 8, phường T, Quận Đ, Thành phố H (theo văn bản ủy quyền ngày 04/7/2016).

3.2. Công ty Cổ phần Pt

Địa chỉ: T21 – 22 Tòa nhà M, S, Quận Đ, HN.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Hải N – chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông H, chức vụ: Giám đốc Công ty PJ. Địa chỉ: 186 ĐB, phường N, Quận X, Thành phố H; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bà X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:

Khoảng 16h ngày 12 tháng 01 năm 2016 ông Nguyễn Thế V điều khiển xe ô tô cho lùi xe với tốc độ nhanh va chạm vào chồng chị là anh T là giám đốc công ty Trách nhiệm hữu hạn ĐN (sau đây gọi tắt là Công ty), làm cho chồng chị bị chết. Được Thanh tra Sở lao động kết luận là tai nạn lao động (biên bản điều tra tai nạn lao động số 03/BBTNLD ngày 16/3/2016). Ngày 13-5-2016 Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN đồng ý bồi thường 30 tháng lương là 990.000.000 đồng nhưng lúc đó chị không đồng ý do Công ty chia các lần thanh toán ra nhiều lần.

Chị M có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN bồi thường cho chị, 2 con chị và cha chồng chị số tiền 990.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ của Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN kể từ ngày 28-3-2016 cho đến ngày xét xử. Tại bản trình bày ý kiến ngày 14-4-2017 của bà Trần Thị M xác định tính lãi suất 9%/ năm từ ngày 28-3-2016 tạm tính đến 20/4/2017 là 100.237.500 đồng

Tại phiên tòa ngày 30-9-2016 chị M xác định Công Ty bảo hiểm PJCo Sài Gòn đã thanh toán cho đương sự số tiền 60.000.000 đồng, đương sự đồng ý khấu trừ vào phần tiền mà Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN phải bồi thường cho gia đình đương sự. Ngày 08-11-2016 chị M xác định không yêu cầu khấu trừ số tiền 60.000.000 đồng mà Công Ty bảo hiểm tai nạn 24/24 BJ đã thanh toán cho đương sự.

Đại diện Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN, ông Đ, xác định lời trình bày của chị M về việc chồng chị M là anh T là giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN, bị tai nạn ngày 12-01-2016 lúc 16h tại Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN, được Thanh tra Sở lao động kết luận là tai nạn lao động (biên bản điều tra tai nạn lao động số 03/BBTNLD ngày 16-3-2016) là đúng.

Ngày 13-5-2016 Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN đồng ý bồi thường 30 tháng lương là 990.000.000 đồng là đúng nhưng lúc đó chị M và luật sư Q không đồng ý nên nay chị M tiếp tục có đơn khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN. Nay Công ty chỉ đồng ý bồi thường cho chị M, 2 con chị M và cha chồng chị M số tiền 396.000.000 đồng tức 12 tháng lương do người lao động có lỗi. Vì nguyên nhân dẫn đến tai nạn lao động làm anh T chết là do ông T có lỗi.

Công ty TNHH ĐN không đồng ý khấu trừ số tiền 60.000.000 đồng mà Công Ty bảo hiểm PjCo Sài Gòn đã thanh toán cho chị M theo vụ án này. Vì phần này đã thi hành cho bản án hình sự số: 134/2016/HS-PT ngày 09/09/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty cổ phần Pt, ông H trình bày: Ông Xác định có ký hợp đồng bảo hiểm tai nạn 24/24 với Công ty TNHH ĐN số tiền bảo hiểm 60.000.000 đồng cho người lao động Trương Anh T.

Sau khi tai nạn xảy ra Công Ty bảo hiểm tai nạn 24/24 BJ đã thanh toán cho người thụ hưởng là chị Trần Thị M số tiền 60.000.000 đồng xong, Công ty không có ý kiến gì thêm, đồng thời có đơn xin vắng mặt trong tất cả các phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản án Lao động sơ thẩm số 04/2017/LĐ-ST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tuyên xử:

Áp dụng Điều 142, 144, 145 Bộ luật lao động năm 2012; Điều 2, 38, 47 Luật Bảo Hiểm Xã Hội, Điều 3 Thông tư số 04 hướng dẫn bồi thường tai nạn lao động; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận 1 phần yêu cầu “ Bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động” của bà Trần Thị M đối với Công ty TNHH S ĐN.

Buộc Công ty TNHH S ĐN phải bồi thường cho bà Trần Thị M, cháu Trương T Nh, sinh ngày 19/9/2008, Trương T K, sinh ngày 28/11/2013 và ông B số tiền 990.000.000 đồng (chín trăm chín mươi triệu đồng chẵn). Khấu trừ 60.000.000 đồng tiền bảo hiểm tai nạn 24/24 do Tổng Công ty Cổ phần Pt đã thanh toán cho chị M theo hợp đồng bảo hiểm tai nạn số P-5/SGO/P08/6201/0016 ngày 06/05/2015 giữa Công ty Công Ty bảo hiểm tai nạn 24/24 BJCO SÀI Gòn và Công ty TNHH ĐN. Công ty TNHH S ĐN còn phải bồi thường số tiền 930.000.000 đồng (chín trăm ba mươi triệu đồng chẵn).

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi phát sinh trong thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 28/3/2016 đến ngày xét xử của chị Trần Thị M đối với Công ty TNHH ĐN.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16-5-2017, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH ĐN có đơn kháng cáo nêu: Toàn bộ bản án cấp sơ thẩm buộc Công ty bồi thường cho nguyên đơn số tiền 990.000.000 đồng tương đương 30 tháng lương là chưa đúng. Vì anh T có lỗi không chấp hành nội quy Công ty nên xảy ra tai nạn lao động. Nên Công ty chỉ đồng ý bồi thường cho chị M 12 tháng lương, tương đương với 396.000.000 đồng. Về tranh chấp chưa hòa giải cơ sở, mà đưa ra xét xử là vi phạm tố tụng, tính án phí chưa khấu trừ tiền Công ty đồng ý trả 396.000.000 đồng là không chính xác, gây thiệt hại cho Công ty. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; nếu không hủy án, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, buộc Công ty bồi thường cho nguyên đơn số tiền 396.000.000 đồng.

Tại Tòa, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, Luật sư S trình bày: Tranh chấp yêu cầu bồi thường tai nạn lao động phải qua hòa giải cơ sở, nhưng hồ sơ chưa thể hiện có hòa giải. Cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thủ tục tố tụng. Tai nạn lao động xảy ra là do anh T có một phần lỗi, không chấp hành đầy đủ nội quy của Công ty, trong khi anh T là người có chức vụ, hướng dẫn, giáo dục những công nhân khác về chấp hành nội quy, an toàn lao động của Công ty. Khi sự việc xảy ra, Công ty xác định anh T có lỗi. Nhưng khi Thanh tra lao động, thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội không hỏi nên không trình bày. Sau khi thanh tra đưa ra kết luận, Công ty cũng không có khiếu nại, ý định là để hòa giải với chị M cho thấu tình đạt lý. Nhưng khi hồ sơ chuyển xử lý hình sự đối với tài xế V, thì Công ty có trình bày anh T cũng có một phần lỗi là vi phạm nội quy về an toàn lao động trong Công ty. Nhưng cơ quan điều tra không tiến hành đo vẽ hiện trường, nên Công ty cũng không biết xác định lỗi anh T như thế nào. Đến khi vụ án đưa ra xét xử, Công ty chưa trình bày được các căn cứ để chứng minh anh T có lỗi, đây là trường hợp bất khả kháng nên Công ty chưa trình bày được. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại thiện chí bồi thường của Công ty. Vì yêu cầu của nguyên đơn là quá lớn, nguồn vốn của Công ty là có hạn nên chưa thống nhất được mức bồi thường với nguyên đơn. Hơn nữa, cấp sơ thẩm chưa xem xét mức độ lỗi của anh T. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án, chuyển hồ sơ về cho cấp sơ thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án, cho đảm bảo quyền lợi của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, Luật sư Q trình bày: Không chấp nhận lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Vì nguyên đơn đã yêu cầu Công đoàn cơ sở hòa giải nhưng không hòa giải. Quá thời hạn nên khi khởi kiện, được Tòa án thụ lý và tiến hành các thủ tục hòa giải lại nhưng 02 bên xin vắng, không gặp mặt được, nên không tiến hành hòa giải được. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành hòa giải thêm 04 lần nhưng bị đơn chỉ đồng ý bồi thường 12 tháng lương nên không thỏa thuận được.

Bị đơn cố tình kéo dài, gây khó khăn cho nguyên đơn. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng, Công an không tiến hành đo vẽ hiện trường là không đúng, vì trong vụ án hình sự đối với bị cáo V, Luật sư tham gia từ đầu. Trong vụ án hình sự, Công ty có yêu cầu xem xét lỗi của bị hại là anh T, nhưng không được chấp nhận. Nên căn cứ kết luận thanh tra kết luận anh T chết là do tai nạn lao động, Công ty đồng ý không khiếu nại, đồng ý thực hiện nhưng kéo dài. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi, cấp sơ thẩm không chấp nhận, nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại dù nguyên đơn không kháng cáo. Vụ án hình sự xét xử xác định bị hại T không có lỗi, án đã có hiệu lực thi hành. Nên đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng từ khi thụ lý, đến ngày xét xử và tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn kháng cáo và Luật sư trình bày, cho rằng vụ kiện chưa được hòa giải ở cơ sở mà Tòa án đã thụ lý là vi phạm thủ tục tố tụng. Thấy rằng, trước khi nộp đơn khởi kiện, nguyên đơn có yêu cầu nhưng cơ quan hòa giải cơ sở không hòa giải. Sau khi đã thụ lý, cấp sơ thẩm có yêu cầu hòa giải bổ sung. Lần hòa giải thứ nhất, nguyên đơn có mặt nhưng bị đơn nhận giấy trễ nên không tham gia được. Lần hòa giải thứ hai, có mặt bị đơn, nguyên đơn xin vắng mặt. Như vậy, là không tiến hành hòa giải được chứ không phải là chưa được hòa giải. Thủ tục hòa giải đã thực hiện. Hơn nữa, trong vụ kiện này, sau khi có kết luận của đoàn Thanh tra lao động thuộc Sở Lao động và Thương binh xã hội tỉnh Tây Ninh thì bị đơn là Công ty đã đồng ý bồi thường. Nhưng sau đó, Công ty không đồng ý bồi thường. Sau khi Tòa án thụ lý cũng tiến hành cho các đương sự hòa giải nhưng bị đơn vẫn không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng người bị tai nạn có lỗi. Nên việc hòa giải chỉ mang tính chất hình thức, cấp sơ thẩm đã đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn về phần này.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, thấy rằng: Bị đơn cho rằng người bị tai nạn – anh T có lỗi nên không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, anh T thuộc biên chế của Công ty (có ký hợp đồng lao động), ngày 12/01/2016, anh T được tài xế chở đi công tác, khi về lại Công ty, anh T xuống xe đi lại phía sau xe để ra hiệu cho xe khác vào cổng. Nhưng tài

xế là anh Nguyễn Thế V lười xe nhanh không quan sát đụng anh T dẫn đến anh T chết. Lỗi hoàn toàn thuộc về tài xế nên anh Nguyễn Thế V lái xe đã bị truy tố và xét xử về tội “Vô ý làm chết người”. Khi xem xét về lỗi bản án hình sự kết luận là lỗi hoàn toàn thuộc về anh V, hiện bản án đã có hiệu lực thi hành. Khi xét xử, Công ty cũng đã đề nghị xem xét lỗi của anh T nhưng không được chấp nhận. Sau khi xét xử, Công ty cũng không có khiếu nại.

Hơn nữa, sau khi tai nạn xảy ra, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Tây Ninh đã thành lập Đoàn thanh tra để thanh tra nguyên nhân xảy ra tai nạn lao động làm anh T chết. Tại kết luận số 03/BBTNLĐ ngày 16/3/2016 kết luận: “Anh T chết là do tai nạn lao động”, đại diện Công ty thừa nhận và ký vào biên bản. Đến ngày 26/3/2016, Công ty ra quyết định bồi thường cho chị M tổng số tiền 990.000.000 đồng (tương đương với 30 tháng lương), nhưng chị M không đồng ý. Công ty đổi ý không bồi thường tổng số tiền 990.000.000 đồng, chỉ đồng ý bồi thường cho chị M số tiền 396.000.000 đồng (tương đương với 12 tháng lương của anh T). Công ty cũng không có khiếu nại gì đối với kết luận của Thanh tra Sở Lao động Thương binh và xã hội, nên Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điểm a, Khoản 1; Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BLĐTBXH ngày 02/02/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định:

“Điều 3. Bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

1. Đối tượng được bồi thường:

a) Người lao động bị tai nạn lao động làm suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên hoặc bị chết, trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 của Thông tư này;

.....

3. Mức bồi thường:

Mức bồi thường đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều này được tính như sau:

a) Ít nhất bằng 30 tháng tiền lương đối với người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp”.

Như vậy, cấp sơ thẩm buộc Công ty bồi thường cho chị M số tiền 990.000.000 đồng (tương đương với 30 tháng lương) là có căn cứ, đúng pháp luật. Nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về phần này.

[3] Đối với kháng cáo của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm tính án phí không đúng. Bị đơn cho rằng khi tính án phí lao động sơ thẩm phải khấu trừ số tiền Công ty tự nguyện bồi thường cho bị đơn là 326.000.000 đồng. Xét thấy, theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án thì “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”. Như vậy, Cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên cần buộc bị đơn chịu toàn bộ án phí là chính xác.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đại diện theo pháp luật của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Không chấp nhận lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Chấp nhận lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét thấy, lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí lao động phúc thẩm: Tại Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định 2009 quy định: “1. *Đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm*”. Do đó, Công ty TNHH ĐN phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà X.

Giữ nguyên bản án Lao động sơ thẩm số 04/2017/LĐ-ST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Áp dụng Điều 142, 144, 145 Bộ luật lao động năm 2012; Điều 2, 38, 47 Luật Bảo Hiểm Xã Hội, Điều 3 thông tư số 04 hướng dẫn bồi thường tai nạn lao động; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu “*Bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động*” của bà Trần Thị M đối với Công ty TNHH S ĐN.

Buộc Công ty TNHH S ĐN phải bồi thường cho bà Trần Thị M, cháu Trương T Nh, sinh ngày 19/9/2008, Trương T K, sinh ngày 28/11/2013 và ông B số tiền 990.000.000đồng (chín trăm chín mươi triệu đồng chẵn). Khấu trừ 60.000.000đồng tiền bảo hiểm tai nạn 24/24 do Tổng Công ty Cổ phần Pt đã thanh toán cho chị M theo hợp đồng bảo hiểm tai nạn số P-5/SGO/P08/6201/0016 ngày 06/05/2015 giữa Công ty Công Ty bảo hiểm tai nạn 24/24 BJCO SÀI Gòn và Công ty TNHH ĐN. Công ty TNHH S ĐN còn phải bồi thường số tiền 930.000.000đồng (chín trăm ba mươi triệu đồng chẵn).

2. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi phát sinh trong thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 28/3/2016 đến ngày xét xử của chị Trần Thị M đối với Công ty TNHH ĐN.

Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án nếu công ty TNHH ĐN không chịu bồi thường số tiền nêu trên thì hàng tháng công ty TNHH ĐN còn phải trả cho chị M số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 428 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí:

3.1. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH ĐN phải chịu số tiền 22.600.000 (hai mươi hai triệu, sáu trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn tiền án phí cho chị Trần Thị M đối với phần không được chấp nhận.

3.2. Án phí lao động phúc thẩm:

- *Về án phí lao động phúc thẩm:* Công ty TNHH ĐN phải chịu số tiền 300.000 đồng. Được khấu trừ 300.000 đồng vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai số 0008878 ngày 25-5-2017 và biên lai số 0008922 ngày 05-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (ghi nhận đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện;
- Chi Cục THADS huyện
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; tập án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Sơn